

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt phương án giao đất tái định cư cho 06 hộ gia đình, cá nhân
có đất thu hồi do giải phóng mặt bằng thực hiện
Dự án Đường ven biển tỉnh Bình Định, đoạn Cát Tiến - Diêm Vân.**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định và Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều quy định kèm theo Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 65/2014/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (năm 2020-2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 3358/QĐ-UBND ngày 14/10/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng GPMB thực hiện dự án Đường ven biển tỉnh Bình Định, đoạn Cát Tiến - Diêm Vân;

Căn cứ Quyết định số 2925/QĐ-UBND ngày 09/9/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt giá đất ở cụ thể để tính thu tiền sử dụng đất ở tái định cư đối với các hộ dân bị ảnh hưởng GPMB để thực hiện dự án Đường ven biển tỉnh Bình Định, đoạn Cát Tiến – Diêm Vân (Khu quy hoạch thuộc công trình xây dựng CSHT khu Đông Bắc, Phước Hòa);

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 882/TTr-STNMT ngày 27/10/2022 và Biên bản cuộc họp ngày 07/10/2022 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án giao đất tái định cư cho 06 hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi do giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đường ven biển tỉnh Bình Định, đoạn Cát Tiên - Diêm Vân, với nội dung chính như sau:

Giao cho 06 hộ gia đình, cá nhân 06 lô đất tái định cư với tổng diện tích là 1.560,0m², Khu DC2, đường ĐS2 (lộ giới 14m) tại Khu quy hoạch thuộc Công trình xây dựng CSHT khu Đông Bắc Phước Hòa. Tiền sử dụng đất các hộ phải nộp vào ngân sách nhà nước là 6.242.500.000 đồng (*Sáu tỷ, hai trăm bốn mươi hai triệu, năm trăm ngàn đồng*).

(Chi tiết có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Ban QLDA Giao thông tỉnh chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Giám đốc Ban QLDA Giao thông tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Tuy Phước, các cá nhân có liên quan và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Nguyễn Tự Công Hoàng;
- PVP TD;
- Lưu: VT, K19.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tự Công Hoàng

PHỤ LỤC

BẢNG TỔNG HỢP ĐẤT TÁI ĐỊNH CƯ VÀ TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT PHẢI NỘP CHO CÁC HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI DO GPMB ĐỂ XÂY DỰNG DỰ ÁN ĐƯỜNG VEN BIỂN TỈNH BÌNH ĐỊNH, ĐOẠN CÁT TIẾN - DIÊM VÂN (ĐỢT 3)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /11/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Thông tin thửa đất bị thu hồi			Thông tin lô đất tái định cư				Thông tin về tiền sử dụng đất				Tổng số tiền sử dụng đất (đồng)	Ghi chú
			Tổng diện tích (m ²)	DT thu hồi đất ở (m ²)	DT thu hồi đất NN (m ²)	Khu tái định cư	Tên đường, lộ giới	Vị trí lô đất	Kích thước và diện tích lô đất	Giá đất tái định cư (đồng/m ²)	Giá đất thị trường (đồng/m ²)	Tiền SDD theo giá tái định cư (đồng)	Tiền SDD theo giá thị trường (đồng)		
A	02 hộ có đất bị ảnh hưởng giải tỏa trắng xét giao đất tái định cư tại Khu quy hoạch thuộc Công trình xây dựng CSHT khu Đông Bắc Phước Hòa														
1	ông Nguyễn Văn Cận, bà Nguyễn Thị Phận	Thôn Kim Đông, xã Phước Hòa	310,2	251,0	59,2	Khu quy hoạch thuộc Công trình xây dựng CSHT khu Đông Bắc Phước Hòa	Đường ĐS2 lộ giới 14m (3,5+7+3,5)	Lô PH1, khu DC2	(12,5m x 20m) = 250m ²	4.000.000	6.500.000	1.000.000.000	-	1.000.000.000	Đất có nhà ở hình thành trước 15/10/1993
2	ông Nguyễn Văn Thập, bà Phạm Thị Tắm	Thôn Kim Đông, xã Phước Hòa	249,0	249,0	0,0	Khu quy hoạch thuộc Công trình xây dựng CSHT khu Đông Bắc Phước Hòa	Đường ĐS2 lộ giới 14m (3,5+7+3,5)	Lô PH2, khu DC2	(12,5m x 20m) = 250m ²	4.000.000	6.500.000	996.000.000	6.500.000	1.002.500.000	Đất có nhà ở hình thành trước 15/10/1993
B	04 hộ có đất bị ảnh hưởng giải tỏa một phần xét giao đất tái định cư tại Khu quy hoạch thuộc Công trình xây dựng CSHT khu Đông Bắc Phước Hòa														
3	ông Trương Thiết Cường, bà Lương Thị Kim Chung	Thôn Kim Đông, xã Phước Hòa	612,2	250,0	86,0	Khu quy hoạch thuộc Công trình xây dựng CSHT khu Đông Bắc Phước Hòa	Đường ĐS2 lộ giới 14m (3,5+7+3,5)	Lô PH3, khu DC2	(12,5m x 20m) = 250m ²	4.000.000	6.500.000	1.000.000.000	-	1.000.000.000	Đất có nhà ở hình thành trước 15/10/1993
4	ông Nguyễn Thấu (chết), con ĐDKK Mai Chi Thu	Thôn Kim Đông, xã Phước Hòa	2.010,6	250,0	1.122,9	Khu quy hoạch thuộc Công trình xây dựng CSHT khu Đông Bắc Phước Hòa	Đường ĐS2 lộ giới 14m (3,5+7+3,5)	Lô PH4, khu DC2	(12,5m x 20m) = 250m ²	4.000.000	6.500.000	1.000.000.000	-	1.000.000.000	Đất có nhà ở hình thành trước 15/10/1993
5	bà Võ Thị Lùn	Thôn Kim Đông, xã Phước Hòa	659,3	265,9	159,3	Khu quy hoạch thuộc Công trình xây dựng CSHT khu Đông Bắc Phước Hòa	Đường ĐS2 lộ giới 14m (3,5+7+3,5)	Lô PH5, khu DC2	(13m x 20m) = 260m ²	4.000.000	6.500.000	1.040.000.000	-	1.040.000.000	Đất có nhà ở hình thành trước 15/10/1993
6	ông Nguyễn Thái Bình, bà Tô Thị Thanh Miên	Thôn Kim Đông, xã Phước Hòa	484,0	302,6	0,0	Khu quy hoạch thuộc Công trình xây dựng CSHT khu Đông Bắc Phước Hòa	Đường ĐS2 lộ giới 14m (3,5+7+3,5)	Lô PH6, khu DC2	(15m x 20m) = 300m ²	4.000.000	6.500.000	1.200.000.000	-	1.200.000.000	Đất có nhà ở hình thành trước 15/10/1993
Tổng cộng			4.325,3	1.568,5	1.427,4				1.560,0			6.236.000.000	6.500.000	6.242.500.000	